

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 95/TTr-TNMT ngày 06/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH U Kwong Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Nhà xưởng CN-02-08, KCN Vân Trung, phường Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy U Kwong (VietNam)” tại Một phần lô CN-02, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy U Kwong (VietNam)

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH U Kwong Việt Nam

1.3. Địa điểm thực hiện dự án: Một phần lô CN-02, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400861279, do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/4/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/02/2024,

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9962106548 do Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 02/4/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 20/10/2021.

1.4. Mã số thuế: 2400861279

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm từ nhựa, chi tiết: Vỏ nhựa bọc, chụp sản phẩm PET, PVC, PS sử dụng cho điện thoại, các sản phẩm điện tử và sản phẩm khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại một phần lô CN-02, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích đất sử dụng 6.685,57m².

- Quy mô, công suất của dự án

+ Dự án có tiêu chí của dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất, gia công các sản phẩm từ nhựa, chi tiết: Vỏ nhựa bọc, chụp sản phẩm PET, PVC, PS sử dụng cho điện thoại, các sản phẩm điện tử và sản phẩm khác: 2.500 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH U Kwong Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH U Kwong Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH U Kwong Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban

quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Giấy phép môi trường được UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH U Kwong Việt Nam tại Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 và các giấy phép thành phần (*nếu có*) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành theo quy định.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư “Nhà máy U-Kwong (VietNam)” tại Một phần Lô CN-02, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH U Kwong Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 76/QĐ-TNMT ngày 18/01/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH U Kwong Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy U-Kwong (VietNam)” tại Một phần lô CN-02, KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang; UBND thị xã Việt Yên, UBND phường Vân Trung, Công ty TNHH U Kwong Việt Nam và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ dự án (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN.^{Việt Anh}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI HỆ THỐNG THU GOM,
 XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do:

Nước thải sinh hoạt phát sinh của dự án được thu gom vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m³/ngày đêm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B, sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung do Công ty TNHH Fugiang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối công trình nước thải giữa Công ty TNHH Fugiang và Công ty TNHH U Kwong Việt Nam ký ngày 19/9/2019); dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 5 ngăn (03 bể, thể tích là 34m³/bể) sau đó theo đường ống nhựa PVC D300 dài khoảng 154m thu về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý QCVN 40:2011/BTNMT, cột B. Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC DN200 dài 2m của dự án đầu nối với hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Vân Trung qua 01 điểm đầu nối, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Vân Trung để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 5 ngăn) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Vân Trung, thị xã Việt Yên.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học MBBR.

- Công suất thiết kế: 20 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaClO: 0,5kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố công trình xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: Lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải khi vận hành, đặc biệt là các thiết bị điện. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn, bơm... thay thế các thiết bị hỏng hóc hệ thống xử lý nước thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường cống thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường cống dẫn nước thải.

- Định kỳ quan trắc chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Nếu phát hiện có bất cứ thông số nào vượt quá ngưỡng cho phép theo Quy chuẩn hiện hành thì lập tức cho kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố phát sinh.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Vân Trung; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý. Báo cáo đơn vị chủ kinh doanh quản lý hạ tầng KCN Vân Trung khi xảy ra sự cố dẫn đến nước thải sau xử lý không đạt chuẩn theo yêu cầu của KCN Vân Trung hoặc không đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của trạm xử lý, Chủ dự án thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua hệ thống xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ dự án liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20m³/ngày.đêm theo Giấy phép môi trường được cấp tại Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Vân Trung. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của

nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các KCN tỉnh, UBND thị xã Việt Yên, chủ đầu tư hạ tầng KCN Vân trung để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:** có 02 nguồn

- Nguồn thải số 1: Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt ép tạo hình sản phẩm tại 06 máy tạo hình nhựa.

- Nguồn thải số 2: Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt ép tạo hình sản phẩm tại 04 máy tạo hình nhựa.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 02 dòng khí thải:

- Dòng khí thải số 1: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 1 (hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn gia nhiệt ép tạo hình sản phẩm của 06 máy tạo hình nhựa).

- Dòng khí thải số 2: Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải số 2 (hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn gia nhiệt ép tạo hình sản phẩm của 04 máy tạo hình nhựa)

2.1. Vị trí xả khí thải: (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0):

- Vị trí số 1 (tương ứng dòng khí thải số 1): Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 1. Tọa độ xả thải: X=2349931, Y=409702.

- Vị trí số 2 (tương ứng với dòng khí thải số 2): Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 2. Tọa độ xả thải: X=2349935; Y=409705

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: thời gian làm việc 08 giờ/ngày.

- Vị trí số 1: 20.000 m³/giờ, tương đương 160.000 m³/ngày

- Vị trí số 2: 15.000 m³/giờ, tương đương 120.000 m³/ngày.

- Tổng lưu lượng xả khí thải của 2 vị trí: 35.000m³/giờ, tương đương 280.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc của dự án (08 giờ/ngày)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT cột B) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)	QCVN 20:2009/BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	-	Dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	CO	mg/Nm ³	1000	-	
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850	-	
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	-	
5	Toluen	mg/Nm ³	-	750	
6	Benzen	mg/Nm ³	-	5	
7	Xylen	mg/Nm ³	-	870	
8	Anilin	mg/Nm ³	-	19	
9	Etyl axetat	mg/Nm ³	-	1400	
10	Phenol	mg/Nm ³	-	19	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Hệ thống xử lý khí thải số 1: Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt ép tạo hình sản phẩm tại 06 máy tạo hình nhựa được thu gom bằng các chụp hút khí thải (6 chụp hút kích thước 1500x1500 (mm), sau đó theo đường ống dẫn D160 dài 12m, D300 dài 6m đưa về thiết bị xử lý khí thải bằng quạt hút ly tâm công suất 20.000 m³/ giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải số 2: Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt ép tạo hình sản phẩm tại 04 máy tạo hình nhựa được thu gom bằng các chụp hút khí thải (4 chụp hút kích thước 1900x1000 (mm) sau đó theo đường ống dẫn 400x400 (mm), chiều dài 18m đưa về thiết bị xử lý khí thải nhờ quạt hút ly tâm công suất 15.000 m³/ giờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ (Hệ thống xử lý khí thải số 1 và số 2 có cùng quy trình công nghệ) như sau:

Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Tủ than hoạt tính (01 lớp bông lọc + 03 lớp than hoạt tính) → Quạt hút → Ống thoát khí thải. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi

thoát ra môi trường.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho 02 hệ thống:

+ Than hoạt tính: 240 kg/năm;

+ Tấm lọc bụi : 04 tấm lọc bụi kích thước (1300x3200x2130)mm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý khí thải số 1 công suất 20.000 m³/giờ đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường được cấp tại Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh, do vậy dự án tiến hành vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý khí thải số 2 công suất 15.000 m³/giờ.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ 01/6/2024 đến ngày 01/9/2024

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải số 2.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống khói thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải số 2.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
01 vị trí sau hệ thống xử lý khí thải số 2	Bụi tổng, CO, NO _x (tính theo NO ₂), SO ₂ , Toluen, Benzen, Xylen, Anilin, Etyl axetat, Phenol	Thời gian lấy mẫu 01 ngày/lần trong vòng 3 ngày liên tiếp. Dự kiến như sau: - Lần 1: 10/6/2024 - Lần 2: 11/6/2024 - Lần 3: 12/6/2024	QCVN 19:2009/ BTNMT cột B và QCVN 20:2009/BTNMT

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 01 nguồn phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất của nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- 01 vị trí giữa xưởng sản xuất: Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3⁰): X = 2349959; Y = 409716

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đệm cao su chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao. Bôi trơn cho các chi tiết hoạt động để giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị trong đó có máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung. Chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị khoảng 4 - 6 tháng/lần.

- Nhà xưởng thông thoáng, lắp đặt hệ thống quạt thông gió, tạo không gian

rộng rãi, giảm khả năng vang vọng tiếng ồn.

- Công nhân được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao. Bố trí hợp lý nhân lực hợp lý khi làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy, vừa tăng cường cảnh quan cho Nhà máy vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024
của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu; bông lọc bụi	Rắn	30	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
3	Dầu thải	Lỏng	20	17 02 03
4	Các loại bao bì nhựa cứng có chứa thành phần nguy hại	Rắn	40	18 01 03
5	Than hoạt tính thải	Rắn	240	12 01 04
Tổng khối lượng			331	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sản xuất thông thường phát sinh, gồm: Các sản phẩm lỗi, hỏng và đầu mẩu thừa từ quá trình cắt dập, ép nhựa, từ công đoạn kiểm tra loại bỏ sản phẩm lỗi hỏng...khoảng 732 kg/năm; Bao bì cattong, nilon, dây buộc: 350 kg/năm

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 60 kg/ngày, thành phần chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 5 thùng bằng nhựa có nắp đậy dung tích 50 lít/thùng, lưu giữ chất thải nguy hại, các thùng có tên, mã số chất thải nguy hại và dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà xưởng

- Diện tích kho chứa: 14 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế cấu tạo: Tường xây tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.
- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất 12 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 sọt khung sắt đựng phế liệu nhựa sạch đặt tại xưởng sản xuất, sọt dung tích 5,6m³, hàng ngày chất thải sản xuất được thu gom, vận chuyển hàng ngày về kho lưu giữ.

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu:

- Diện tích kho chứa: 16 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo: tường xây tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 01 tháng/lần hoặc tùy thuộc vào lượng phát sinh).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 20 thùng nhựa chứa rác dung tích 25 lít, 60 lít/thùng và 100 lít/thùng có nắp đậy ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn,... hàng ngày chất thải được vận chuyển về kho chứa.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: diện tích 16 m², bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo: tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, có cửa ra vào, dán biển báo theo quy định. Được bố trí bên trong nhà xưởng.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển để xử lý theo quy định (tần suất 2-3 ngày/lần). Riêng căn bùn tại các bể tự hoại Chủ dự án thuê đơn vị chuyên hút bể phốt mang đi xử lý (tần suất 6 tháng/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động nhà máy khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH U Kwong Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thực hiện thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh đưa về hệ thống xử lý nước thải của dự án đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý tập trung của khu công nghiệp; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 95/TTr-TNMT ngày 06/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án.